

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15/4/2026.

V/v: Ly hôn và tranh
chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Quang.

2. Ông Trần Văn Tôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2026/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2026, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị X** - sinh năm 1987, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: **ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang.**

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn H** - sinh năm 1985, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: **ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2025, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà **Phạm Thị X** như sau:

Bà và ông **Trần Văn H** kết hôn vào năm 2006, có tổ chức đám cưới theo phong tục, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng ông bà đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang** vào ngày 12/01/2010.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông **H** làm ăn không biết tính toán dẫn đến nợ nần và bị người ta thừa ở tù, bản án 14 năm, hiện đang chấp hành án ở **Trại giam K** được 05 năm. Vợ chồng bà đã sống ly thân được 05 năm. Bà xét thấy bản thân không còn khả năng chờ đợi ông **H** và

vợ chồng không có tương lai nên bà xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Trần Văn H.**

Thời gian chung sống vợ chồng ông bà có 02 người con chung tên **Trần Ngọc G** – sinh ngày 19/3/2007 và **Trần Tiến Đ** – sinh ngày 20/9/2018. Hiện nay bà đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng ông bà không có nợ chung.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông **Trần Văn H.**

Về con chung: Bà xin nuôi con chung tên **Trần Tiến Đ** – sinh ngày 20/9/2018 và không yêu cầu ông **Trần Văn H** cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên **Trần Ngọc G** – sinh ngày 19/3/2007 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông **Trần Văn H** trình bày trong bản tự khai ngày 10/3/2026 như sau: Vào năm 2005 ông và bà **Phạm Thị X** có tình cảm với nhau cho đến năm 2006 ông bà tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T** ngày 12/01/2010. Ông và bà **X** sống hạnh phúc hơn 10 năm thì xảy ra sự cố, ông vi phạm pháp luật nên phải đi tù với mức án phạt 14 năm, trong đời sống vợ chồng cũng không có mâu thuẫn nào trầm trọng, chỉ lời qua tiếng lại trong việc làm ăn thất bại. Hiện tại gia đình cũng hết sức khó khăn và bà **X** cũng có hướng đi khác nên ông thống nhất ly hôn với bà **X**. Về con chung: Ông và bà **X** có 02 người con chung tên **Trần Ngọc G** – sinh ngày 19/3/2007 và **Trần Tiến Đ** – sinh ngày 20/9/2018, hiện nay các con đang sống cùng bà **X**. Do ông đang chấp hành án tù nên ông đồng ý giao con cho bà **X** tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung ông và bà **X** làm ăn thua lỗ nên tài sản chung không còn. Về nợ chung: Ông và bà **X** không có nợ chung, ông chỉ còn nợ theo bản án năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà **Phạm Thị X** và ông **Trần Văn H** là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Bà **Phạm Thị X** và ông **Trần Văn H** đều có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà **Phạm Thị X** và ông **Trần Văn H** không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử

cũng như nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà **Phạm Thị X** và ông **Trần Văn H**.

[2] Về hôn nhân: Bà **Phạm Thị X** và ông **Trần Văn H** cưới nhau từ năm 2006, ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/2010, ngày 12/01/2010. Hiện nay, bà **Phạm Thị X** và ông **Trần Văn H** thống nhất ly hôn với nhau nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[3] Về con chung: Bà **Phạm Thị X** và ông **Trần Văn H** có 02 người con chung tên **Trần Ngọc G** – sinh ngày 19/3/2007 và **Trần Tiến Đ** – sinh ngày 20/9/2018, hiện nay bà **Phạm Thị X** đang nuôi dưỡng.

Bà **Phạm Thị X** xin nuôi con chung tên **Trần Tiến Đ** – sinh ngày 20/9/2018. Ông **Trần Văn H** đồng ý giao con chung cho bà **X** tiếp tục nuôi dưỡng, hiện cháu **Đ** có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Đối với con chung tên **Trần Ngọc G** – sinh ngày 19/3/2007 hiện đã trưởng thành nên bà **Phạm Thị X** và ông **Trần Văn H** không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **Phạm Thị X** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Phạm Thị X** và ông **Trần Văn H** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà **Phạm Thị X** phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 300203 ngày 21/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị X**.

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Phạm Thị X** và ông **Trần Văn H**.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông **Trần Văn H** về việc giao người con chung tên **Trần Tiến Đ** – sinh ngày 20/9/2018 cho bà **Phạm Thị X** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông **Trần Văn H** được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép cản trở ông thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà **Phạm Thị X** phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 300203 ngày 21/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Định Hòa;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang